TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Diễu
2. Ông Trương Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về vụ "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Tú T, sinh năm 1987(có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1987(vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Tú T trình bày: Bà và ông Trần Quốc T1 do quen biết nhau tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng năm 2014. Sau khi kết hôn, bà và ông T1 sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống và trong công việc, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cải nhau. Từ cuối năm 2020 đến nay, bà và ông T1 đã sống ly thân, bà dẫn theo con về sống

cùng nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông T1 sống tại ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau.

Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có một người tên là Trần Đặng Tấn Đ, sinh ngày 25/5/2015, hiện sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà có yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng đến khi tròn 18 tuổi. Tuy nhiên nay bà xin rút lại yêu cầu buộc ông T1 cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại bà có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Bà T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống bà và ông T1 không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024, cháu Trần Đăng T2 Đ có lời trình bày: Cháu là con ruột ông Trần Quốc T1 và bà Đặng Thị Tú T. Nếu bà T, ông T1 ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Càng Long tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần Quốc T1 biết nhưng ông T1 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có măt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tú T

Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Quốc T1.

Về con chung: bà Đặng Thị Tú T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Đặng Tấn Đ, sinh ngày 25/5/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ do bà T rút lại yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Đặng Thị Tú T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với ông Trần Quốc T1 có nơi cư trú tại ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng*: Bà Đặng Thị Tú T và ông Trần Quốc T1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên toà, bà T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Đặng Thị Tú T và ông Trần Quốc T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2014, quyển số 1 ngày 29 tháng 9 năm 2014. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của bà T và ông T1 không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, bà T và ông T1 không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 06/6/2024 đối với ông Trần Văn C là cha ruột ông T1, được ông C cung cấp ông có nhận thay cho ông T1 các văn bản tố tụng tố tụng của Toà án và có giao lại cho ông T1 biết để đến Toà nhưng ông T1 trả lời không đến Tòa. Theo ông thì hôn nhân của bà T và ông T1 không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ lại vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông T1.

[4]. *Về con chung:* Bà T và ông T1 có một người con chung tên là Trần Đặng Tấn Đ, sinh ngày 25/5/2015. Cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với bà T. Bà T cũng yêu cầu được được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì từ trước đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình tố tụng ông T1 không có ý kiến về việc nuôi con. Xét việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con, hiện cháu Đ đang sống chung với bà T và đã

được học xong lớp 3, sắp tới sẽ vào học lớp 4 nên việc giao con cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo đơn khởi kiện bà T có yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng đến khi tròn 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T xin rút lại yêu cầu buộc ông T1 cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại bà có đủ khả năng nuôi con. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T vẫn chưa yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa đình chỉ yêu cầu của bà T về yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[6]. *Về tài sản:* Bà T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ:* Bà T khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 238, 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 3, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Tú T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Tú T được ly hôn ông Trần Quốc T1.

Về con chung: Bà Đặng Thị Tú T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Đặng Tấn Đ, sinh ngày 25/5/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu của bà T về yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Bà Đặng Thị Tú T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ: Bà Đặng Thị Tú T khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Bà Đặng Thị Tú T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002337 ngày 26 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Bình Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang